



## **INLAND TRANSIT CARGO CLAUSES (C)** **ĐIỀU KHOẢN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NỘI ĐỊA (C)**

### **1. Duration/Thời hạn bảo hiểm**

This insurance attaches from the time the goods leave the warehouse or place of storage at the place named herein for the commencement of transit, continues during the ordinary course of transit and terminates on completion of unloading after delivery to the consignee's or other final warehouse or place of storage at the destination named herein.

*Bảo hiểm này có hiệu lực từ thời điểm hàng hóa rời kho hoặc nơi lưu trữ ghi trong hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển, tiếp tục có hiệu lực suốt quá trình vận chuyển bình thường và chấm dứt khi hoàn thành xong việc dỡ hàng sau khi hàng hóa được vận chuyển đến kho hoặc nơi lưu trữ ghi trong hợp đồng bảo hiểm của người nhận hàng.*

### **2. Risks Covered/Những rủi ro được bảo hiểm**

This insurance covers loss of or damage to the subject-matter insured reasonably attributable to, except as provided in clause 2 below

*Bảo hiểm này bảo hiểm cho những tổn thất hoặc thiệt hại được cho là hợp lý đối với hàng hóa được bảo hiểm trừ những điểm loại trừ được quy định tại mục 2 dưới đây.*

- a. Fire, lightning, or explosion  
*Hỏa hoạn, sét đánh, hoặc nổ*
- b. Overturning or derailment of land conveyance  
*Phương tiện đường bộ bị lật đổ hoặc trật bánh*
- c. Collapsing or breaking down of road, railroad, tunnel, bridge, or highway  
*Sụt hoặc lở đường, đường sắt, đường hầm, cầu, hoặc đường cao tốc*

### **3. Exclusions/Điều khoản loại trừ**

In no case shall this insurance cover

*Bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những trường hợp sau:*

- a. Loss damage or expense attributable to willful misconduct of the Assured.  
*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn do lỗi cố ý của Người được bảo hiểm.*
- b. Ordinary leakage, ordinary loss in weight or volume, or ordinary wear and tear of the subject-matter insured.  
*Rò rỉ thông thường, hao hụt trọng lượng hoặc khối lượng thông thường hoặc hao mòn tự nhiên của hàng hóa được bảo hiểm.*
- c. Loss damage or expense caused by insufficiency or unsuitability of packing or preparation of the subject-matter insured.  
*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn gây ra bởi việc chuẩn bị, đóng gói hoặc sắp xếp hàng hóa được bảo hiểm không đầy đủ hoặc không phù hợp.*
- d. Loss damage or expense caused by disobedience of traffic regulations and other regulations about stowage, transportation of the subject-matter insured.  
*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn gây ra do vi phạm quy định của luật giao thông và các quy định pháp luật khác về xếp, dỡ hàng, vận chuyển hàng hóa được bảo hiểm.*
- e. Loss damage or expense caused by inherent vice or nature of the subject-matter insured.  
*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn gây ra bởi khuyết tật vốn có hoặc đặc tính tự nhiên của hàng hóa được bảo hiểm.*
- f. Loss damage or expense caused by any delay, even though the delay be caused by a risk(s) insured against.  
*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn do bất kỳ sự chậm trễ nào cho dù sự chậm trễ gây ra bởi rủi ro được bảo hiểm.*
- g. Loss damage or expense arising from insolvency or financial default of the carrier(s) and/or other related parties.  
*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn phát sinh do mất khả năng thanh toán hoặc tình trạng thiếu nợ của người vận chuyển và/hoặc các bên liên quan khác.*
- h. Loss damage or expense caused by war, civil war, revolution, rebellion, insurrection, strikes, riots, civil



commotions and any terrorist or any person acting from a political motive.

*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn do chiến tranh, nội chiến, cách mạng, phản loạn, nổi dậy, đình công, gây rối, quần chúng nổi dậy, bất kỳ hành động khủng bố hoặc hành động nào khác với mục đích chính trị;*

- i. Loss damage or expense caused by robbery, unexploded mine, bombs, landmines or other weapons of war.

*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn do cướp, thủy lôi, bom, mìn hoặc các vũ khí chiến tranh khác.*

- j. Loss damage or expense arising from the use of any weapon of war employing atomic or nuclear fission and/or fusion or other like reaction or radioactive force or matter.

*Tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ vũ khí chiến tranh hạt nhân, nguyên tử hoặc phản ứng phân hạch và/hoặc phản ứng nhiệt hạch hoặc những phản ứng tương tự khác hoặc năng lượng phóng xạ.*

- k. Deliberate damage to or deliberate destruction of the subject-matter insured or any part thereof by the wrongful act of any person or persons.

*Hư hại hoặc phá hủy do cố ý gây ra cho hàng hóa được bảo hiểm hay một bộ phận bất kỳ của hàng hóa đó do hành động sai trái của bất kỳ người nào.*

#### **4. Benefit of Insurance/Quyền lợi bảo hiểm**

This insurance shall not inure to the benefit of the carrier or other bailee.

*Bảo hiểm này sẽ không có hiệu lực đối với quyền lợi người vận chuyển và những người nhận hàng khác.*

#### **5. Duty of the Assured/Nghĩa vụ của Người được bảo hiểm**

5.1. It is the duty of the Assured and their servants and agents in respect of loss recoverable hereunder

*Dưới đây là nghĩa vụ của Người được bảo hiểm và người làm công và các đại lý của họ về việc cứu vớt hàng hóa bị tổn thất*

- a. To take such measures as may be reasonable for the purpose of averting or minimizing such loss, and

*Thực hiện mọi biện pháp được cho là hợp lý với mục đích ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tổn thất này, và*

- b. To ensure that all rights against carriers, bailees or other third parties are properly preserved and exercised.

*Đảm bảo rằng tất cả các quyền truy đòi đối với những người vận chuyển, người nhận hàng hoặc bên thứ ba khác phải được bảo lưu và thực hiện.*

and FUBON will, in addition to any loss recoverable hereunder, reimburse the Assured for any charges properly and reasonably incurred in pursuance of these duties.

*Bên cạnh việc cứu vớt hàng hóa, FUBON sẽ hoàn lại cho Người được bảo hiểm bất kỳ chi phí hợp lý và hợp lệ phát sinh khi thực hiện những nghĩa vụ nêu tại điểm (1).a.*

5.2. Measures taken by the Assured or FUBON with the object of saving, protecting, or recovering the subject-matter insured shall not be considered as a waiver or acceptance of abandonment or otherwise prejudice the rights of either party

*Những biện pháp được thực hiện bởi Người được bảo hiểm hoặc FUBON với mục đích giữ gìn, bảo vệ, hoặc cứu vớt hàng hóa được bảo hiểm sẽ không được xem như là hành động từ bỏ hoặc chấp nhận từ bỏ hàng hóa được bảo hiểm hoặc làm phương hại đến quyền của bên kia.*

#### **6. Avoidance of Delay/Phòng tránh chậm trễ**

It is a condition of this insurance that the Assured shall act with reasonable despatch in all circumstances within their control.

*Đây là một điều kiện của Bảo hiểm này, Người được bảo hiểm sẽ phải hành động khẩn trương hợp lý trong tất cả các tình huống trong tầm kiểm soát của mình.*

#### **7. Law and Practice/Luật và tập quán**

This insurance is subject to law and practice of Socialist Republic of Viet Nam.

*Bảo hiểm này tuân theo luật và tập quán của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.*